

KẾ HOẠCH

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Hoàng Hóa năm 2025**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ các Thông tư: Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học; Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/01/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT; 02/2021/TT-BGDĐT; 03/2021/TT-BGDĐT; 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du

lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành thư viện; Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/2/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa.

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng năm 2025 thuộc thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng của các sở, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa ban hành Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Hoằng Hóa năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm kịp thời chế độ chính sách cho đội ngũ viên chức; bố trí viên chức đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhiệm vị trí việc làm (VTVL) và hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) phù hợp với cơ cấu CDNN viên chức của đơn vị.

- Lựa chọn được những viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của CDNN theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo yêu cầu của VTVL.

- Động viên, khuyến khích viên chức trong đơn vị học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức xét thăng hạng CDNN đối với viên chức phải đúng đối tượng; đúng tiêu chuẩn CDNN và phù hợp với VTVL, cơ cấu hạng CDNN của đơn vị;

- Kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức được tổ chức đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng CDNN phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn CDNN dự xét theo quy định và được cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị cử dự xét thăng hạng.

II. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

Tổng số chỉ tiêu xét thăng hạng viên chức: 630 chỉ tiêu. Cụ thể:

1. Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo:

a) Cấp mầm non: 553 chỉ tiêu, trong đó:

- Viên chức quản lý hạng III lên hạng II: 37 chỉ tiêu;

- Giáo viên mầm non hạng III lên hạng II: 480 chỉ tiêu;

- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 09 chỉ tiêu;
- Nhân viên hành chính kiêm kế toán (Cán sự) lên Chuyên viên: 09 chỉ tiêu;
- Nhân viên thủ quỹ lên Kế toán viên hạng IV: 18 chỉ tiêu.

b) Cấp tiểu học: 37 chỉ tiêu, trong đó:

- Thư viện viên trung cấp hạng IV lên Thư viện viên hạng III: 03 chỉ tiêu;
- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 16 chỉ tiêu;
- Nhân viên hành chính kiêm kế toán (Cán sự) lên Chuyên viên: 12 chỉ tiêu;
- Nhân viên thủ quỹ lên Kế toán viên hạng IV: 06 chỉ tiêu.

c) Cấp trung học cơ sở: 22 chỉ tiêu, trong đó:

- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 13 chỉ tiêu;
- Nhân viên thủ quỹ lên Kế toán viên hạng IV: 02 chỉ tiêu;
- Nhân viên hành chính kiêm kế toán (Cán sự) lên Chuyên viên: 04 chỉ tiêu;
- Nhân viên hạng V lên hạng IV: 03 chỉ tiêu;

d) Cấp Tiểu học và Trung học cơ sở: 12 chỉ tiêu, cụ thể:

- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 04 chỉ tiêu;
- Nhân viên hành chính kiêm kế toán (Cán sự) lên Chuyên viên: 04 chỉ tiêu;
- Nhân viên thủ quỹ lên Kế toán viên hạng IV: 02 chỉ tiêu;
- Nhân viên hạng V lên hạng IV: 02 chỉ tiêu;

đ) Trung tâm GDNN-GDTX: 03 chỉ tiêu, trong đó:

- Kế toán viên trung cấp hạng IV lên Kế toán viên hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Thư viện viên hạng IV lên Thư viện viên hạng III: 01 chỉ tiêu;
- Nhân viên hạng V lên hạng IV: 01 chỉ tiêu;

2. Đơn vị sự nghiệp khác: Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch: Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp hạng IV lên Tuyên truyền viên văn hóa hạng III: 03 chỉ tiêu.

III. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng

- Viên chức đang giữ CDNN Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng lên CDNN Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).
- Viên chức đang giữ CDNN Kế toán viên trung cấp (mã số 06.032) đủ điều kiện, tiêu chuẩn lên ngạch Kế toán viên (mã số 06.031);
- Viên chức đang giữ CDNN Nhân viên hành chính kiêm kế toán từ ngạch Cán sự (mã số 01.004) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng ngạch Chuyên viên (mã số 01.003);
- Viên chức đang giữ CDNN Nhân viên (mã số: 01.005) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng lên ngạch Cán sự (mã số: 01.004);
- Viên chức đang giữ CDNN Thư viện viên Trung cấp (mã số: V.10.02.07) đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng lên CDNN Thư viện viên (mã số: V.10.02.06);
- Viên chức đang giữ CDNN Nhân viên (mã số: 06.035) đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng lên CDNN Thư viện viên Trung cấp (mã số: V.10.02.07);
- Viên chức đang giữ CDNN Nhân viên (mã số: 06.035) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng lên ngạch Kế toán viên trung cấp (mã số: 06.032);

- Viên chức đang giữ CDNN Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp (mã số: V.10.10.36) đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng lên CDNN Tuyên truyền viên văn hóa (mã số: V.10.10.35).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện chung

Theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP (sửa đổi Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể

2.2.1. *Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng lên CDNN Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 04 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.*

2.2.1.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục trở lên;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

2.2.1.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non và triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non; chủ động, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;
- c) Chủ động tổ chức và phối hợp kịp thời với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;
- d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp huyện trở lên

e) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kế toán viên trung cấp (mã số: 06.032) lên kế toán viên (mã số: 06.031) theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 66/2024/TT-BTC.

2.2.2.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

2.2.2.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

b) Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

c) Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

d) Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;

đ) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.2.3. Yêu cầu: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2.2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Nhân viên hành chính kiêm kế toán từ ngạch Cán sự (mã số 01.004) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng ngạch Chuyên viên (mã số 01.003) theo Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-BNV và Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV.

2.2.3.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương.

2.2.3.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác, các mục tiêu và đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý nghiệp vụ thuộc phạm vi công tác;

b) Có khả năng tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác; có khả năng tham gia nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

c) Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao tham mưu, đề xuất;

d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.3.3. *Yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên:* Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

2.2.4. *Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức là Nhân viên (mã số: 01.005) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng lên ngạch Cán sự (mã số: 01.004) theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BNV.*

2.2.4.1. *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

a) Nắm được các nguyên tắc, chế độ, thể lệ, thủ tục và nội dung hướng dẫn nghiệp vụ, mục tiêu quản lý của ngành, lĩnh vực;

b) Nắm vững trình tự, thủ tục nghiệp vụ hành chính của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;

c) Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

2.2.4.2. *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng*

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

2.2.4.3. *Yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch cán sự:* Có thời gian giữ ngạch nhân viên và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch nhân viên thì thời gian giữ ngạch nhân viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

2.2.5. *Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Thư viện viên hạng IV (mã số: V.10.02.07) đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng lên CDNN Thư viện viên hạng III (mã số: V.10.02.06) theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL.*

2.2.5.1. *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển về thư viện và văn hóa đọc;

b) Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về thư viện;

c) Có năng lực phân tích, tổng hợp, những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;

d) Có năng lực hướng dẫn người sử dụng thư viện sử dụng tiện ích thư viện để tiếp cận và khai thác thông tin;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.2.5.2. *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng*

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

2.2.5.3. *Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III*: Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh thư viện viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.6. *Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Nhân viên (mã số: 06.035) đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng lên CDNN Thư viện viên hạng IV (mã số: V.10.02.07) theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL.*

2.2.6.1. *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

- a) Nắm được những quy định của pháp luật về công tác thư viện;
- b) Có kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thư viện;
- c) Có năng lực hướng dẫn người sử dụng thư viện tiếp cận và khai thác thông tin, thư viện;
- d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- đ) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

2.2.6.2. *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng*

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

2.2.7. *Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Nhân viên (mã số: 06.035) đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng lên ngạch Kế toán viên trung cấp (mã số: 06.032) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 66/2024/TT-BTC*

2.2.7.1. *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

a) Nắm được các chế độ, quy định kế toán ngành, lĩnh vực; các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán áp dụng trong đơn vị, trong ngành;

b) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

c) Nắm được những nguyên tắc cơ bản về quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ trong đơn vị;

d) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng máy tính, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử, triển khai công việc theo đúng chỉ đạo của cấp trên;

2.2.7.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

2.2.7.3. Yêu cầu: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp tương đương nhân viên (hạng V) và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương nhân viên từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp (hạng IV) theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2.2.8. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp (mã số: V.10.10.36) đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng lên CDNN Tuyên truyền viên văn hóa (mã số: V.10.10.35) theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL

2.2.8.1. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động tuyên truyền;

b) Nắm được phương pháp tổ chức, hình thức hoạt động tuyên truyền;

c) Có hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;

d) Có kiến thức về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; có một trong các kỹ năng: Thuyết minh, thuyết trình, biểu diễn nhạc cụ, biểu diễn văn nghệ, hội họa, thiết kế, thi công cổ động trực quan hoặc các kỹ năng nghiệp vụ khác phù hợp với hình thức tuyên truyền;

đ) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.2.8.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa.

2.2.8.3. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa: Có thời gian công tác giữ chức danh nghề

nghiệp tuyên truyền viên văn hoá trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh tuyên truyền viên văn hoá trung cấp tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

IV. TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP gồm:

- a) Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu);
- b) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;
- c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (về trình độ đào tạo; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; đánh giá xếp loại chất lượng năm gần nhất với năm đăng ký xét thăng hạng);
- d) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- đ) Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 115/2020/NĐCP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.
- e) Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân, gồm: Quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định chức danh nghề nghiệp khác (nếu có thay đổi chức danh nghề nghiệp trong quá trình công tác) và quyết định nâng lương trong toàn bộ quá trình công tác;
- f) Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào 01 bì đựng riêng có kích thước 250x340x5 mm, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, đơn vị công tác và thành phần hồ sơ bên trong.

2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Tại Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoàng Hóa.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Hình thức: Xét thẩm định hồ sơ.

2. Nội dung: Thẩm định việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023

của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Xác định người trúng tuyển

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐCP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- Viên chức là nữ;
- Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

4. Thời gian: Dự kiến thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp trong tháng 4/2025.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định pháp luật hiện hành, nội quy, quy chế thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ.

2. Phòng Nội vụ

- Tổ chức công khai Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định hiện hành.
- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện thành lập Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức, Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức năm 2025.
- Là cơ quan Thường trực của Hội đồng, tham mưu cho Hội đồng thực hiện theo Kế hoạch.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cử công chức, viên chức để thực hiện nhiệm vụ và chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết để tổ chức xét thăng hạng viên chức đảm bảo theo quy định.
- Lưu trữ tài liệu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Hội đồng, UBND huyện giải quyết các khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (nếu có).

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ huyện thực hiện việc công khai các Kế hoạch, Thông báo liên quan đến việc xét thăng chức danh nghề nghiệp viên chức theo đúng quy định.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí phòng họp, in ấn tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ đảm bảo kinh phí, hướng dẫn, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định (nếu có).

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Chủ tịch UBND huyện và Hội đồng xét thăng hạng.

5. Thanh tra huyện

- Cử công chức tham gia Ban Giám sát; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cử công chức, viên chức bảo đảm an ninh trật tự cho kỳ xét thăng hạng.

- Phối hợp với phòng Nội vụ giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác xét thăng hạng theo thẩm quyền.

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Chủ tịch UBND huyện và Hội đồng xét thăng hạng.

6. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện

- Triển khai Kế hoạch này đến toàn thể đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để viên chức biết đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; niêm yết công khai Kế hoạch này tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện) và đăng tải trên website của các đơn vị có nhu cầu xét thăng hạng để viên chức được biết.

- rà soát vị trí việc làm, tổ chức sơ tuyển và cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện và trước Pháp luật về điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng. Việc cử viên chức dự xét thăng hạng thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Trên đây là Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Hoàng Hóa năm 2025. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả theo nội dung kế hoạch này/.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (B/c);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: NV, TC-KH, Thanh tra;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Các ĐVSN thuộc UBND huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Hải